

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
 2. Mã chứng khoán: ND2
 3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
 4. Điện thoại: 0214 3501 540 Fax: 0214 3903 661
 5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
 6. Nội dung công bố thông tin:
Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 được lập vào tháng 02/2019.
 7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

Người đại diện theo Pháp luật *vh*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
-----NED12-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Lào Cai, tháng 02 năm 2019

MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển:.....	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:.....	1
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
5. Định hướng phát triển:.....	6
6. Các rủi ro:.....	6
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
2. Tổ chức và nhân sự:.....	9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	11
4. Tình hình tài chính.....	13
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	15
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	15
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc.....	17
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	17
2. Tình hình tài chính.....	18
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	18
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	18
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).....	19
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.....	19
IV. Đánh giá chung của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2018 và trong giai đoạn từ 2014-2019.....	20
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	20
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.....	21
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	22
V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).....	22
1. Hội đồng quản trị.....	22
2. Ban Kiểm soát:.....	26
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban GD, BKS.....	28
VI. Báo cáo tài chính.....	28
1. Ý kiến kiểm toán.....	28
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	28

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
- Tên tiếng anh: NORTHERN ELECTRICITY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO2- NEDI 2.,JSC
- Tên viết tắt: NEDI2
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300 21 55 27 – tỉnh Lào cai cấp ngày: 08/9/2016
- Vốn điều lệ: 500 tỷ VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 64B, đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Số điện thoại: 02143 501 540
- Số fax: 02143 903 661
- Website: nedi2.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): ND2

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập ngày 06 tháng 05 năm 2004, Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) là công ty thành viên đầu tiên của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển năng lượng.

Kế thừa nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực đầu tư của Vinaconex, một Tổng Công ty đa doanh hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay NEDI 2 tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư thủy điện và bất động sản.

Với những lĩnh vực đầu tư đầy tiềm năng, chắc chắn mang lại hiệu quả kinh tế cao đó, NEDI 2 đã và đang sáng tạo không ngừng để vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội nhằm tạo ra nền tảng phát triển doanh nghiệp một cách nhanh chóng và bền vững.

Trải qua những năm tháng trưởng thành và phát triển, từng bước tạo dựng uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, luôn coi trọng yếu tố con người, NEDI 2 hiện nay có đội ngũ cán bộ, kỹ sư với kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm, được các đối tác trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao và tin cậy thiết lập quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
- + Đầu tư, xây dựng và vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, thủy điện;
- + Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền

móng, xử lý nền đất yếu, cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;

+ Đầu tư và kinh doanh bất động sản, nhà ở, văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;

+ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng, vật liệu xây dựng;

+ Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

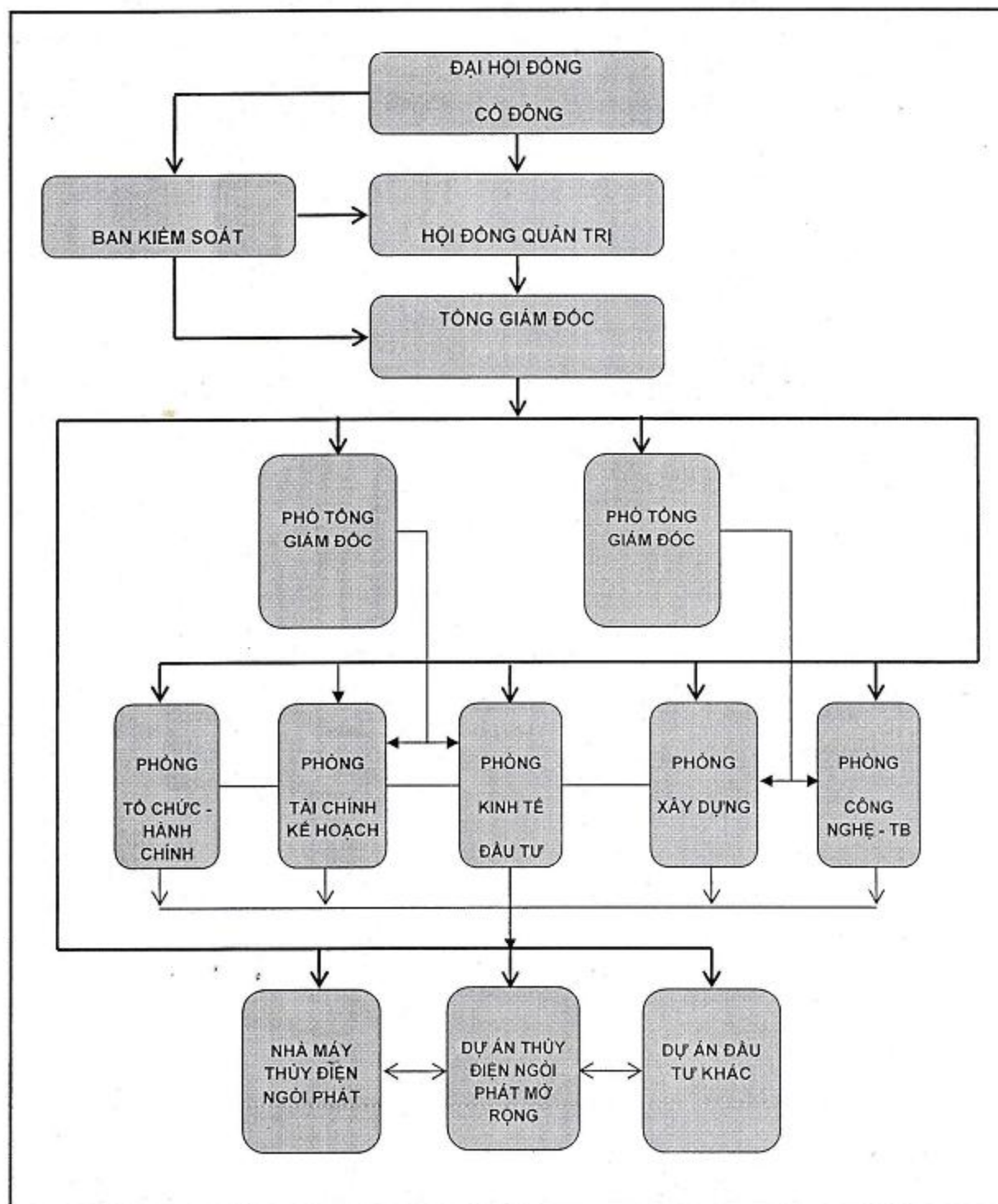
Do yêu cầu tiến độ năm 2014 công ty tập trung đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát và đã hoàn thành phát điện 03 tổ máy đồng thời tổ chức lễ khánh thành nhà máy thành công vào ngày 27/12/2014. Kể từ 01/2015 đến nay nhà máy thủy điện Ngòi Phát đã đi vào vận hành ổn định – an toàn – tin cậy và luôn vượt sản lượng theo kế hoạch đề ra.

- Địa bàn hoạt động hiện nay: Tại nhà máy thủy điện Ngòi Phát thuộc xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị Công ty:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

a. Đại hội đồng cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ vốn thực góp (%)	Ghi chú
I	Các cổ đông pháp nhân	41.528.729	83,07%	
1	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	36.613.500	73,24%	
2	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	4.915.229	9,83%	
II	Thế nhân và pháp nhân khác	8.465.231	16,93%	
	Tổng cộng	49.993.960	100,00%	

b. Hội đồng quản trị:

T T	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đăng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN	
1	Nguyễn Ngọc Diệp	1959		Ba Đình, Hà Nội	1	KSXD- Th. sỹ	Cao cấp		Chủ tịch
2	Nguyễn Hữu Ngọc	1973		Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội	1	Thạc sỹ	Tr. Cấp		Ủy viên
3	Nguyễn Thành Phương	1955		Kim Động, Hưng Yên	1	Thạc sỹ	Cao cấp		Ủy viên
4	Ứng Hồng Vận	1962		Từ Liêm, Hà Nội	1	KSCK	Sơ Cấp		Ủy viên
5	Nguyễn Việt Dũng	1972		Triệu Sơn, Thanh Hóa	1	KSXD	Sơ cấp		Ủy viên, bổ nhiệm từ 20/03/18

c. Ban kiểm soát:

T T	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN	
1	Đặng Thanh Huân (Vinaconex)	1964		Bình Giang, Hải Dương	1	ĐHT CTD	Cao cấp		Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Xuân Dũng (BIDV)	1980		Tây Hồ, Hà Nội	1	Thạc sĩ	Tr. cấp		Thành viên
3	Hoàng Trọng Thạch (SME)	1979		Kim Động, Hưng Yên	1	CN luật	Sơ cấp		Thành viên đến ngày 28/02/18
4	Nguyễn Doãn Dũng (Vinaconex)	1977		Cửa Lò, Nghệ An	1	KS	Sơ cấp		Thành viên từ 20/03/18 đến nay

d. Ban Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc Công ty

Họ và tên: **Ứng Hồng Vận**

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 03 tháng 12 năm 1962

CMTND: 013479110 Ngày cấp: 06/10/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Ngõ 33, Phạm Tuấn Tài, Phường Cổ Nhuế 1, Hà Nội

Điện thoại liên lạc: 0976292488

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí – Đại học kỹ thuật CN Việt Bắc

- Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách Kinh tế, đầu tư:

Họ và tên: **Nguyễn Hải Đăng**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 07 tháng 05 năm 1973

CMTND: 0111152135 Ngày cấp: 21/09/2005 Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Nhà 18/C5, Tổ dân phố số 7, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại liên lạc: 0912322063
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách Kỹ thuật:

Họ và tên: **Trần Vĩnh Hào**
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 23/01/1976
CMTND: 111490228 Ngày cấp: 07/09/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tự động hóa các xí nghiệp công nghiệp

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2019:

+ Vận hành ổn định – an toàn – hiệu quả và tin cậy nhà máy thủy điện Ngòi Phát; đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD điện;

+ Đẩy mạnh tiến độ thi công dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng để hoàn thành và đưa nhà máy vào vận hành theo đúng tiến độ (phát điện thương mại trong năm 2020).

+ Tiếp tục tìm kiếm, đánh giá/hợp tác đầu tư các dự án thủy điện khác trên địa bàn Lào Cai/ các tỉnh phía Bắc có hiệu quả, khả thi...vv;

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Nghiên cứu và phát triển các dự án trong lĩnh vực năng lượng (thủy điện, năng lượng tái tạo: điện gió, điện mặt trời) có hiệu quả để hợp tác và đầu tư.

6. Các rủi ro:

Do thiên tai, hỏa hoạn ...v.v không lường trước được (bất khả kháng xảy ra);

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Điều kiện thủy văn và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất:

Điều kiện thủy văn và thời tiết đầu năm 2018 có những biến động tích cực, thủy văn có chuyển biến tốt hơn với các đợt mưa trên khu vực Tây Bắc vào giai đoạn cuối quý 2 dẫn đến sản lượng 6 tháng đầu năm 2018 cao hơn cùng kỳ 2017, nhưng vẫn thấp hơn cùng kỳ 2016. Sang quý 3 là cao điểm mùa mưa trong năm, tuy nhiên thủy văn trên địa bàn có xu hướng giảm so với cùng kỳ 2017, đến quý 4 thì lượng mưa có xu hướng giảm rõ rệt, tuy nhiên về tổng thể sản lượng cả năm vẫn vượt kế hoạch và đạt thấp hơn cùng kỳ 2017. Do đặc điểm của Thủy điện Ngòi phát là hồ dung tích nhỏ điều phối theo ngày nên khi mưa ít nhưng lượng nước về đều, Nhà máy vẫn tận dụng được nước phát điện tốt hơn so với trường hợp mưa nhiều và lớn dẫn đến phải xả lũ.

Do làm tốt công tác bảo trì sửa chữa, phòng ngừa và xử lý sự cố, phòng chống bão lụt ... nên các tổ máy luôn sẵn sàng giúp tận dụng triệt để lượng nước trong mùa khô và có lũ đột xuất. Vào mùa mưa nhiều nước, nhà máy đã thường xuyên vận hành các Tổ máy ở công suất tối đa ~110% công suất (thiết kế cho phép). Mặt khác, nhà máy đã tối ưu hóa vận hành cũng như sự quan hệ và phối hợp nhịp nhàng với các cấp điều độ A0, A1 dẫn đến các tổ máy luôn được nối lưới khi có nước về.

Tổng hợp từ các yếu tố trên (thủy văn, tận dụng và phát huy tối đa giờ chạy máy, vận hành vượt ~10% công suất khi nước tràn hồ, vào mùa mưa), Nhà máy đã đạt sản lượng năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Sản lượng theo thiết kế của nhà máy (kwh)	Sản lượng KH 2018 (kwh)	Sản lượng cùng kỳ 2017 (kwh)	Sản lượng thực hiện 2018 (kwh)	Tỷ lệ % TH/KH 2018	Ghi chú
Sản lượng điện thương phẩm	303.352.960	373.270.868	443.541.844	418.642.875	112,1%	

1.2. Tình hình vận hành sản xuất:

Nhà máy về cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất, hoàn thành vượt sản lượng được giao; công tác sản xuất vận hành, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão được kiện toàn nên công tác an toàn được duy trì tuyệt đối. Công tác làm chủ công nghệ cơ bản đã làm chủ công nghệ vận hành được khoảng 95%.

Công tác vận hành sản xuất đảm bảo được sự liên tục, an toàn an ninh tuyệt đối, ổn định, tin cậy và luôn đạt công suất vận hành vượt trên 110% công suất thiết kế (khi đủ nước).

Số liệu vận hành thực tế năm 2018 cho thấy tổn hao tổng trung bình 4.1%, trong đó tiêu thụ tự dùng là khoảng 0,89%, giảm 0,04% so với năm 2017 và tổn hao đường dây trung bình là khoảng 3.21%.

Công tác bảo trì sửa chữa, khắc phục tồn tại và các công tác khác:

- Tập trung thực hiện, xử lý những tồn tại lớn của thiết bị như hiện tượng nhiễm nước của ổ hướng TGB; công tác đại tu các MBA, tổ máy H1 và các thiết bị đồng bộ khác...
- Nhà máy đáp ứng kịp thời công tác khắc phục sự cố, thay thế sửa chữa, bảo trì, tuy chưa làm chủ được hoàn toàn công tác bảo trì sửa chữa, đặc biệt là những công việc khó như trung tu và sửa chữa lớn đều phải thuê chuyên gia và nhà thầu có kinh nghiệm. Tuy nhiên,

về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu, đảm bảo công tác vận hành an toàn và liên tục, làm chủ công tác bảo trì sửa chữa đạt trên 70%.

- Hoàn thành toàn bộ công tác bảo dưỡng thường xuyên các hệ thống máy móc thiết bị, kiểm tra vận hành đường dây đảm bảo ổn định, tin cậy cao nhất cho mùa mưa lũ, thực hiện tốt các công tác sửa chữa thường xuyên, trực xử lý sự cố, trực phòng chống lụt bão 24/24h.
- Khắc phục, sửa chữa các hỏng hóc và các điểm sạt lở, sự cố các hạng mục xây dựng do bão lụt gây ra...
- Đặt hàng bổ sung các vật tư dự phòng theo kế hoạch để phục vụ tối ưu sẵn có cho công tác sửa chữa, thay thế, vận hành ổn định, liên tục.

Công tác vận hành theo thị trường phát điện cạnh tranh:

Các kíp vận hành kiểm soát tốt thông số để vận hành thiết bị đảm bảo đúng quy định thiết kế cũng như phát hiện sớm các nguy cơ tiềm ẩn để ngăn chặn và đề xuất xử lý sớm, không ảnh hưởng đến công tác huy động tổ máy; đồng thời bám sát kế hoạch huy động công suất thị trường điện tại website thị trường và công tác thủy văn/chạy máy của các Nhà máy thủy điện bậc thang phía trên... đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục, tin cậy để không bị phạt Qdu và phát công suất tối ưu.

Năm 2018, Cục điều tiết điện lực phê duyệt kế hoạch vận hành thị trường điện với tỷ lệ tham gia của tất cả các nhà máy Thủy điện là 20%. Với tỷ lệ 20% sản lượng điện tham gia TTD là thách thức rất lớn trong năm 2018 nếu như giá điện trên thị trường thấp như cùng kỳ 2017. Tuy nhiên, diễn biến thị trường tương đối thuận lợi do giá dầu, giá nhiên liệu tăng dẫn đến sản lượng mua điện của EVN đối với các nhà máy nhiệt điện giảm, đồng thời kết hợp là mùa khô nên giá bán điện trên hệ thống TTD năm nay cao hơn giá của năm 2017.

Giá thị trường điện năm 2018 lãi 5,6 tỷ đồng so với giá hợp đồng là tín hiệu tốt rất nhiều, có cơ sở kỳ vọng giá bán điện trong tương lai sẽ có xu hướng tăng dần khi tất cả các nhà máy phát điện có tỷ lệ sản lượng tham gia thị trường điện cạnh tranh tăng dần cho đến khi đạt 100% sản lượng tham gia thị trường điện theo lộ trình của Chính phủ.

1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Đvt: tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Doanh thu	378,43	440,98	116,5%
	<i>Giảm trừ doanh thu gồm phí DVMTR, Thuế tài nguyên theo hướng dẫn mới của Cục thuế</i>	(45,55)	(53,07)	
2	Doanh thu thuần	332,88	387,91	116,5%
3	Chi phí sản xuất kinh doanh	246,74	257,81	104,5%
	Trong đó:			
	- Chi phí tài chính	118,39	116,04	
4	Lợi nhuận trước thuế	86,14	130,10	151,0%
	Thuế TNDN 5%	4,31	6,58	

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH (%)
5	Lợi nhuận sau thuế	81,83	123,52	151,0%
6	Nộp ngân sách	77,80	92,63	116,0%

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

T T	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh	Sở hữu CP tại công ty
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN		
1	Ứng Hồng Vận	1962		Duy Tiên, Hà Nam	1	KSCK	Sơ cấp		TGD	640.752
2	Nguyễn Hải Đăng	1973		Hà Đông, Hà Nội	1	CNKT	Cao cấp		PTGD	320.510
3	Trần Vĩnh Hào	1976		Hoài Đức, Hà Nội	1	KS tự động	Sơ cấp		PTGD	336.065
4	Đình Tuấn Anh	1977		Yên Khánh, Ninh Bình	1	CNKT	Sơ cấp		KTT	307.700

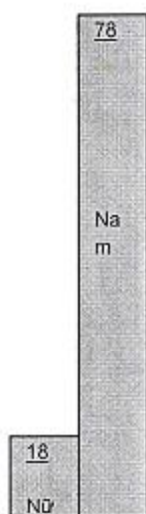
- Những thay đổi trong ban điều hành 2018: Không có

- Số lượng CBNV trong công ty và cơ cấu lao động:

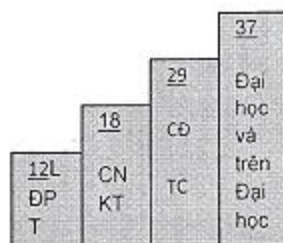
Giới	số lao động tại thời điểm 31/12/2018	Loại hợp đồng lao động	Số LĐ
Nam	78	Không thời hạn	41
Nữ	18	Có thời hạn	55
Tổng	96	Theo mùa vụ	0

Trình độ lao động	Số lao động tại thời điểm báo cáo
Đại học và trên đại học	37
Cao đẳng, trung cấp	29
CNKT	18
Lao động phổ thông	12

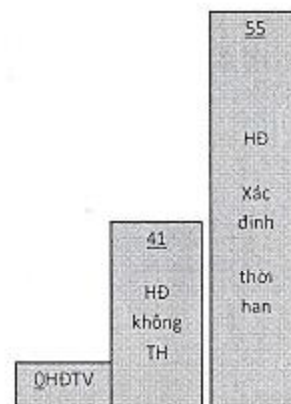
(Biểu đồ cơ cấu lao động theo giới, theo trình độ và theo loại hợp đồng lao động)



Biểu đồ LĐ theo giới



Biểu đồ LĐ theo trình độ



Biểu đồ loại HĐLĐ

Nhận xét về cơ cấu lao động theo từng phân loại:

- Nhận xét về cơ cấu lao động theo từng phân loại:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 là doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp, là đơn vị Chủ đầu tư có nhiệm vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện Ngòi Phát đảm bảo an toàn, ổn định, hiệu quả và tin cậy; đảm bảo vượt sản lượng kinh doanh điện theo kế hoạch giao; tiếp tục đầu tư Nhà máy thủy điện Ngòi Phát mở rộng, vì vậy cơ cấu lao động của công ty trong giai đoạn triển khai thực hiện dự án trên là hợp lý.

- Nêu nguyên nhân (đặc điểm của ngành) dẫn tới cơ cấu trên:

Nhiệm vụ chính của công ty là đảm bảo VH nhà máy ổn định – an toàn an ninh – tin cậy và hoàn thành vượt mức sản lượng giao; hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát; triển khai các dự án thủy điện mới theo kế hoạch được duyệt. Vì vậy cơ cấu lao động trên là hợp lý.

- Cơ cấu trên có ảnh hưởng gì tới chính sách với người lao động:

Cơ cấu gọn và tinh của bộ máy quản lý điều hành tạo điều kiện cho CBNV phát huy được vai trò cá nhân trong công việc được giao, mặt khác Lãnh đạo công ty sẽ có điều kiện quan tâm chu đáo các chế độ chính sách đối với người lao động, tạo điều kiện người lao động yên tâm công tác và cống hiến phục vụ lâu dài cho công ty.

- Chính sách đối với người lao động:

❖ Chính sách lương, thưởng

- Giới thiệu về hệ thống thang bảng lương của Công ty :

Công ty thành lập theo Luật Doanh nghiệp và mọi chế độ chính sách của người lao động trong công ty được áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động. Hệ thống thang bảng lương, chính sách tiền lương áp dụng theo quy định tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của chính phủ và thang bảng lương do công ty xây dựng áp dụng kể từ 01/1/2016;

+ Phụ cấp của Ủy viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách được công ty trình Đại hội đồng cổ đông hàng năm phê duyệt ở mức phù hợp và đảm bảo;

+ Bảng lương CBNV toàn Công ty xây dựng theo hướng dẫn tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của chính phủ.

+ Việc thực hiện chế độ đối với người lao động (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...):

Công ty thực hiện 100% CBNV làm việc tại công ty đều tham gia trích nộp BHXH, BHYT và lập sổ BHXH, cấp thẻ BHYT cho CBNV theo quy định của Luật BHXH, BHYT.

+ Các chính sách khuyến khích vật chất: Ngoài chế độ tiền lương hàng tháng công ty chi thêm tiền thưởng nhân dịp ngày lễ tết, tiền ăn trưa cho CBNV, trang bị quần áo đồng phục và tổ chức thăm quan, nghỉ mát, tặng quà sinh nhật cho CBNV công ty.

❖ Chính sách đào tạo

- Công tác đào tạo thường xuyên và đào tạo bổ sung: Hàng năm công ty lập kế hoạch đào tạo các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBNV công ty theo các lĩnh vực: Tư vấn giám sát công trình, Quản lý đấu thầu,...vv. Kinh phí đào tạo, tiền lương đi học công ty chi trả 100%.

- Các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo: Các đối tượng CBNV có nguyện vọng tự học nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn được công ty cân đối bố trí, tạo điều kiện về thời gian và xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo/khóa học.

❖ Chính sách trợ cấp:

Lãnh đạo công ty phối hợp với BCH công đoàn công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng CBNV: Có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, gặp thiên tai, tai nạn rủi ro ...

❖ Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2018 là: 13.700.000 đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Dự án thủy điện Ngòi Phát Mở Rộng.

Thực hiện chỉ đạo của HĐQT Công ty về việc tiếp tục triển khai dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng, trong năm 2018 công ty đã triển khai các công việc sau:

- Phê duyệt tổng tiến độ thi công dự án (bắt đầu từ tháng 8/2018, tổng thời gian thi công: 18 tháng, hoàn thành dự án: quý I/2020).
- Hoàn thành việc cập nhật, tối ưu công tác thiết kế xây dựng (thiết kế kỹ thuật bản vẽ thi công); công nghệ thiết bị, đấu nối đường dây, tháng 10/2018 hoàn chỉnh việc lập BCNCKT và TMDT hiệu chỉnh dự án để trình Tổng công ty chấp thuận chủ trương và HĐQT phê duyệt làm cơ sở tiếp tục triển khai (TMDT điều chỉnh hiện nay là 176,2 tỷ đồng tăng gần 32 tỷ đồng so với TMDT ban đầu - tăng 22%).
- Đã thực hiện xong việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thiết bị cơ điện và ký kết hợp đồng với nhà thầu Flovel - Ấn Độ ngày 12/10/2018, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 05/11/2018. Hiện nay, Nhà thầu đang triển khai các công tác thiết kế và cung cấp bản vẽ, tài liệu kỹ thuật cho CĐT tiến hành chế tạo thiết bị theo tiến độ của hợp đồng.
- Các gói thầu chính khác (trạm biến áp, thiết bị cơ khí thủy công, thi công hầm dẫn nước-đường ống áp lực): Công ty đã triển khai công tác lựa chọn nhà thầu.
- Tổ chức công tác thi công trên công trường thực hiện từ đầu tháng 8/2018 (duy trì trở lại hoạt động của Ban chỉ đạo công trường - tổ chức giao ban định kỳ,...):
 - + Gói thầu cầu giao thông: Đã hoàn thành và đưa vào vận hành sử dụng cầu giao thông từ 01/01/2019.
 - + Hố móng nhà máy: Hoàn thành 95% khối lượng đào đất, các khối lượng còn lại sẽ được hoàn thiện khi triển khai thi công hạng mục bê tông nhà máy.

Giá trị thực hiện đầu tư trong năm 2018 như sau:

đơn vị: nghìn đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư năm 2018	Thực hiện đầu tư năm 2018	Tỉ lệ %
I	Đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát Mở Rộng	59,500,000	26,637,000	45%
II	Các hạng mục đầu tư phục vụ SXKD nhà máy thủy điện	8,000,000	7,780,000	97%
1	Cải tạo lòng sông và gia cố tường chắn hạ lưu	5,500,000	4,250,000	
2	Xây dựng nhà ở CBCNV nhà máy	2,500,000	3,530,000	
	Cộng	67,500,000	34,417,000	51%

Tiến độ chung của dự án Ngòi Phát mở rộng hiện nay đã bị chậm 3 tháng so với tiến độ được phê duyệt. (nguyên nhân là do một số hạng mục tăng chi phí đầu tư nên Công ty phải rà soát, đánh giá, lập lại TMDT và báo cáo Tổng công ty để chấp thuận điều chỉnh TMDT làm cơ sở triển khai tiếp theo.

b. Hạng mục cải tạo lòng sông và gia cố tường chắn hạ lưu chống ngập lụt nhà máy

Hạng mục "Cải tạo lòng sông và gia cố tường chắn hạ lưu suối Ngòi Phát" đã được HĐQT Công ty phê duyệt báo cáo KT-KT và kết quả lựa chọn nhà thầu. Công ty đã bắt đầu tổ chức thi công từ dự án từ tháng 4/2018. Dự án tạm dừng triển khai công trường theo điểm dừng kỹ thuật từ tháng 6 - 11/2018 (do vào mùa mưa), bước sang tháng 11 (vào đầu mùa khô) dự án tiếp tục triển khai. Dự kiến Dự án sẽ xong toàn bộ trong quý II/2019 (hoàn thành trước mùa mưa).

c. Hạng mục xây dựng nhà nghỉ ca (nhà ở) của CBNV nhà máy

Việc triển khai Đề án này chậm hơn so với kế hoạch Công ty đề ra do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan (trong tháng 4/2018, Công ty đã trình HĐQT Dự án nhà ở với phương án ban đầu là xây trên mặt bằng khu nhà ở CBNV của nhà máy, tuy nhiên do những bất cập về xử lý tài sản sau đầu tư nên HĐQT đã yêu cầu lập điều chỉnh lại Dự án, trong đó chuyển vị trí xây dựng sang khu B2. Hiện nay, dự án đã thực hiện gói thầu san nền về cơ bản đã xong và bàn giao mặt bằng để thi công gói thầu nhà ở, dự kiến hoàn thành toàn bộ trong quý 3/2019

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	1.983.071.956.213	1.846.517.217.857	(6,9%)
Doanh thu thuần	389.212.949.325	384.765.048.720	(1,1%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	121.505.875.592	131.144.909.845	7,9%
Lợi nhuận khác	(8.914.049.789)	(1.048.749.288)	(88,3%)
Lợi nhuận trước thuế	112.591.825.803	130.096.160.557	15,5%
Lợi nhuận sau thuế	112.591.825.803	123.515.704.511	9,7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	18%	18%	
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			

Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	2017	2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,80	1,21	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	1,6	1,01	
/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	66,47%	17,1%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,98	1,50	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			Sản xuất điện không có hàng tồn kho
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,22	0,21	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	25,91%	32,1%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,93%	19,29%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,68%	6,7%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	25,91%	34,08%	Ưu đãi thuế TNDN

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu của Công ty	: 49.993.960 cổ phiếu
- Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành	: 49.993.960 cổ phiếu
Trong đó:	
+ Đã lưu ký	: 11.060.196 cổ phiếu
+ Chưa lưu ký	: 38.933.764 cổ phiếu

Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng : 9.137.120 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ vốn thực góp (%)	Ghi chú
I	Các cổ đông pháp nhân	41.528.729	83,07%	
1	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	36.613.500	73,24%	
2	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	4.915.229	9,83%	
II	Thế nhân và pháp nhân khác	8.465.231	16,93%	
	Tổng cộng	49.993.960	100,00%	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a/ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng số dầu thủy lực làm mát: 13.600 lít/ năm;

b/ Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng phục vụ sản xuất Nhà máy: 190.000 Mwh/năm (giảm 3% so với năm 2017).

(Trực tiếp);

- Năng lượng phục vụ khối văn phòng và phục vụ sinh hoạt: 53 Mwh/năm (giảm 3% so với năm 2017). **(Gián tiếp).**

b/Năng lượng tiết kiệm được thông qua sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 266,222 kwh (tăng 3% so với năm 2017).

c/ Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng : Không có.

6.3. Tiêu thụ nước(Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a. Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nguồn nước của lưu vực suối Ngòi Phát, suối ngòi phát nằm phía hữu ngạn Sông Hồng thuộc tỉnh Lào Cai, bắt nguồn từ vùng núi cao nằm giữa hai huyện Phong Thổ, Lai Châu và huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, từ trên độ cao trên 3000m chảy theo hướng chính Tây Nam-Đông Bắc đổ ra Sông Hồng ở cao độ khoảng 100m giữa hai xã Cốc Mỳ và Bản Vược, huyện Bát Xát, cách TP Lào Cai 25km về phía Tây Bắc.

❖ Phía thượng lưu Nhà máy:

- Thủy điện Mường Hum (nhánh chính);

- Suối Bản Xèo (nhánh phụ).

❖ Lượng nước sử dụng phát điện năm 2018 là:~ 542 triệu m³.

b. Tỉ lệ phần trăm và lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không tái sử dụng được.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a/Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b/Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

❖ Số lượng lao động:

- Trực tiếp: 57.người;

- Gián tiếp: 39 người.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn của người lao động:

❖ Về thời gian làm việc:

- Bộ phận hành chính:

+) Sáng: từ 7h30 đến 12h00;

+) Chiều: từ 13h30 đến 17h00.

- Bộ phận đi ca:

+) Ka 1: từ 6h đến 14h;

+) Ka 2: Từ 14h đến 22h;

+) Ka 3: Từ 22h đến 6h.

❖ Chính sách:

- Có phụ cấp Ka 3: 15% cơ bản;
- Thăm hỏi người lao động trong lúc ốm đau.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

❖ Đào tạo ngoài:

- Đào tạo trưởng ca (EVN);
- Đào tạo thị trường điện (EVN);
- Đào tạo quản lý, vận hành đường dây 110kV (EVN);
- Đào tạo AT – VSLĐ (EVN);
- Đào tạo PCCN (phòng PCCN Lào Cai);
- Đào tạo các lớp ngắn hạn (phục vụ quản lý);

❖ Tự đào tạo:

- Đào tạo trưởng kíp, trực trung tâm, trực gian máy, trực cửa nhận nước;
- Đào tạo sửa chữa đường dây 110 KV, điện – tự động hóa, cơ khí – thủy lực;
- Đào tạo PCLB, PCCN.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Bàn giao công trình từ thiện điểm trường Tiểu học thôn San Lùng Hạ, Bản Vược, Bát Xát Lào Cai.
- Ủng hộ giúp đỡ các gia đình thiệt hại do lũ quét gây ra trên địa bàn huyện Tam Đường, Lai Châu.
- Công trình cầu dân sinh thôn Kín Chi Phìn 2, xã Nậm Pung, Bát Xát, Lào Cai
- Trao quà Tết Kỷ Hợi năm 2019 cho các hộ gia đình nghèo và các em học sinh nghèo vượt khó trên địa bàn huyện Bát Xát, Lào Cai.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Công ty cùng toàn thể CBCNV với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với mục tiêu phải hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD ngay trong giai đoạn đầu năm. Kết quả cụ thể như sau:

Đvt: tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Doanh thu	378,43	440,98	116,5%
	Giảm trừ doanh thu gồm phí DVMTR, Thuế tài nguyên theo hướng dẫn mới của Cục thuế	(45,55)	(53,07)	

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH/KH (%)
2	Doanh thu thuần	332,88	387,91	116,5%
3	Chi phí sản xuất kinh doanh	246,74	257,81	104,5%
	Trong đó:			
	- Chi phí tài chính	118,39	116,04	
4	Lợi nhuận trước thuế	86,14	130,10	151,0%
	Thuế TNDN 5%	4,31	6,58	
5	Lợi nhuận sau thuế	81,83	123,52	151,0%
6	Nộp ngân sách	77,80	92,63	116,0%

2. Tình hình tài chính

Hàng năm vào quý 1 và tháng 4+5 của quý 2 là đỉnh điểm mùa khô hạn, dòng tiền bị mất cân đối trả nợ gốc và lãi vay cho các tổ chức tín dụng khoảng 40 tỷ đồng, tuy nhiên bắt đầu sang tháng 6 và quý 3 là vào mùa mưa, cũng là thời điểm Công ty có doanh thu lớn nhất trong năm (trong kế hoạch quý 3 thì doanh thu chiếm 79.9% kế hoạch cả năm và Lợi nhuận chiếm 90.6% kế hoạch lợi nhuận cả năm). Do đặc thù ngành nghề có nguồn thu chênh lệch quá lớn giữa các quý trong năm nên Công ty luôn chủ động trích lập nguồn tài chính của quý 3 hàng năm để dự phòng để bù đắp thiếu hụt dòng tiền tại mọi thời điểm vào mùa khô trong năm nhằm duy trì sự hoạt động liên tục của Công ty luôn ổn định và đảm bảo cân đối dòng tiền để phục vụ sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

- **Tình hình dòng tiền cuối kỳ:** Sau khi Công ty thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ tài chính với tất cả các tổ chức tín dụng, các khách hàng cung cấp dịch vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2018 thì số dư tiền thuần cuối kỳ còn 61,2 tỷ đồng. Như vậy tiếp tục đảm bảo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho tháng tiếp theo.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm giải pháp hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và đưa ra những chính sách hợp lý đáp ứng cho từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng năm xem xét, đánh giá về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận để có những điều chỉnh cho phù hợp.

Cơ cấu tổ chức tinh gọn, không chồng chéo, chức năng nhiệm vụ rõ ràng và phân cấp quản lý từ Lãnh đạo Công ty đến các phòng ban, đơn vị trực thuộc thống nhất quản lý điều hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua năm 2018 và định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2019-2024; Hội đồng quản trị đưa ra định hướng chung và nhiệm vụ trọng tâm của Công ty như sau:

- Vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát an toàn, hiệu quả, tin cậy và tiết kiệm chi phí.
- Phân đầu cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm trên 15%.

- Làm chủ công nghệ thiết bị của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, kiện toàn bộ máy vận hành ổn định và nâng cao tay nghề cho đội ngũ vận hành, trưởng ca, trưởng kíp, đảm bảo vận hành nhà máy An toàn, tin cậy, hiệu quả và liên tục; và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019; đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên công ty; quản lý, vận hành các hạng mục xây dựng và tài sản hình thành sau đầu tư đối với dự án thủy điện Ngòi Phát;
- Tiếp tục tìm kiếm, đánh giá/hợp tác đầu tư các dự án thủy điện khác trên địa bàn Lào Cai/ các tỉnh phía Bắc có hiệu quả, khả thi...vv;
- Nghiên cứu và phát triển các dự án trong lĩnh vực năng lượng (thủy điện, năng lượng tái tạo: điện gió, điện mặt trời) có hiệu quả để hợp tác và đầu tư.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2018 được đính kèm theo Báo cáo thường niên mục VI.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (Tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Tuân thủ thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy:

- Quan trắc chất lượng môi trường định kỳ tại Nhà máy 06 tháng/lần/năm;
- Trồng rừng thay thế hoàn nguyên sau thi công xong dự án;
- Duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đảm bảo nước cho hệ sinh thái;
- Đối với các chất thải nguy hại: Như dầu thải, ắc quy, bóng đèn, rơ lau..... thu gom lưu kho và xử lý theo quy định của pháp luật;
- Đối với các chất thải sinh hoạt, chất rắn thông thường: Phân loại, tập kết xử lý chôn lấp hợp vệ sinh.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về việc sử dụng người lao động.

- Sử dụng lao động đúng mục đích tuyển dụng và đảm bảo quyền lợi của người lao động;
- Huấn luyện, sát hạch AT-VSLĐ, PCCN theo đúng quy định;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu nâng cao trình độ vận hành, sửa chữa cho CB- CNV Nhà máy;
- Cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động;
- Khám sức khỏe định kỳ theo quy định;
- Các chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các đối tượng nằm trong nhóm lao động có công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm;
- Được đóng đầy đủ bảo hiểm Xã hội, bảo hiểm y tế, BHTN...

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp đóng trên địa phương.

- Trang bị, lắp đặt thiết bị cảnh báo lũ theo quy định của Bộ công thương;
- Tạo công ăn việc làm cho CB-CNV địa phương đóng trên địa bàn;

- Xây dựng, sửa chữa công trình từ thiện: Xây dựng cầu dân sinh Kin Chu Phìn 2 xã Nậm Pung, Sửa chữa trường mầm non xã Bản Vược.....giúp nhân dân địa phương nâng cao chất lượng cuộc sống;
- Hỗ trợ, phát động quyên góp ủng hộ đồng bào gặp khó khăn: đợt lũ năm 2017; hộ nghèo; gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn....ổn định cuộc sống.

IV. Đánh giá chung của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2018 và trong giai đoạn từ 2014-2019.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Tình hình chung của Công ty NEDI2 giai đoạn 2014 – 2019

Trong giai đoạn năm 2012-2013 của nhiệm kỳ II (2009 – 2014), Công ty gặp rất nhiều khó khăn khi triển khai dự án thủy điện Ngòi Phát: dự án tạm dừng triển khai do thiếu vốn đối ứng, máy móc thiết bị đã nhập về cảng Hải Phòng và Công trường đã hơn 2 năm và chưa có hướng giải quyết. Nắm được tình hình và hiện trạng khó khăn của dự án, Cổ đông VINACONEX đã quyết tâm chỉ đạo NEDI2 thực hiện bằng được dự án và bổ sung vốn tự có đối ứng theo yêu cầu của ngân hàng cho vay vốn.

Trước những khó khăn và thách thức khi triển khai dự án thủy điện Ngòi Phát. Ngay từ đầu nhiệm kỳ HĐQT và lãnh đạo Tổng công ty đã xác định mục tiêu cốt yếu của Công ty giai đoạn này là bằng mọi giá đầu tư hoàn thành dự án thủy điện Ngòi Phát. Thời điểm khởi công lại dự án vào tháng 5/2013, dự án đã triển khai một cách đồng loạt các hạng mục trên công trường và đến đầu năm 2014, về cơ bản các hạng mục thi công đã hoàn thành và sẵn sàng cho việc tích nước hồ chứa để chuẩn bị các thủ tục để hòa lưới điện Quốc gia. Đến tháng 9/2014, tổ máy đầu tiên được hòa lưới điện Quốc gia, đánh dấu thành công bước đầu của dự án.

Trong nhiệm kỳ HĐQT đã chỉ đạo sát sao các hoạt động của Công ty nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành thực hiện công việc của mình theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Với kết quả đã đạt được trong các năm 2014 – 2019 thể hiện rõ quan điểm của Công ty là phát triển bền vững, mang lại lợi nhuận ổn định cho Công ty, tạo tiềm lực phát triển các dự án về năng lượng khác trong tương lai.

1.2. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị NEDI2 đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, hoạt động tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ công ty và quy chế hoạt động của HĐQT. Hiệu quả hoạt động của công ty đều tăng trưởng trong các năm như: Doanh thu, lợi nhuận, cổ tức tăng đều và vượt mức kế hoạch đặt ra. Tất cả các hoạt động của NEDI2 được thực hiện theo Điều lệ, quy chế HĐQT của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Thời điểm hiện tại tại HĐQT hoạt động với 5 thành viên gồm:

1. Nguyễn Ngọc Điệp
2. Ứng Hồng Vận
3. Nguyễn Hữu Ngọc
4. Nguyễn Thành Phương

5. Nguyễn Việt Dũng

1.3. Tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trong nhiệm kỳ HĐQT đã triệu tập và tổ chức các kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên và bất thường dưới hình thức trực tiếp.

Việc triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty. HĐQT đã quản lý và chỉ đạo Ban điều hành công ty hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt.

Công ty thực hiện đầy đủ báo cáo thường niên theo quy định và công bố thông tin đầy đủ theo quy định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban điều hành công ty, đứng đầu là Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành và phù hợp với điều lệ Công ty. Các phó Tổng giám đốc có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao, luôn thực hiện tốt công việc được phân công. Tập thể Ban lãnh đạo đã nỗ lực trong việc điều hành các hoạt động của Công ty theo các nghị quyết, quyết định của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2014, giai đoạn cuối của dự án thủy điện Ngòi Phát, ban điều hành gặp rất nhiều khó khăn, tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo đã chỉ đạo các đơn vị thi công và các đơn vị chuyên môn thực hiện đầu tư hoàn thành dự án thủy điện Ngòi Phát và phát điện thương mại vào tháng 9/2014, mang lại hiệu quả cao cho dự án và doanh nghiệp. Vận hành an toàn, an ninh và luôn đạt và vượt công suất thiết kế/kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao, quản lý tốt tài chính, trả nợ ngân hàng đúng hạn.

Việc quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát được thực hiện ngay sau khi dự án hoàn thành, dự án dotriển khai thời gian dài nên công tác quyết toán gặp rất nhiều khó khăn. Đến nay Báo cáo Quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát đã phê duyệt và đã được Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán vốn đầu tư năm 2017..

Công tác vận hành nhà máy thủy điện Ngòi Phát: Nhà máy được vận hành từ tháng 9/2014 đến nay đã đạt 1,7 tỷ kwh, mang lại doanh thu gần 1.700 tỷ đồng, nhà máy vận hành an toàn, ổn định - tin cậy, đội ngũ cán bộ công nhân viên nhà máy đã làm chủ công nghệ, vận hành, sửa chữa.

Đối với Công tác đầu tư: Ban điều hành công ty trong nhiệm kỳ đã thực hiện đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng 12MW, đến nay dự án này đang được triển khai và đã được Tổng giám đốc báo cáo chi tiết tại Báo cáo của Tổng giám đốc.

Ban điều hành đã có nhiều chính sách động viên, khuyến khích kịp thời cho các CBCNV có thành tích tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Duy trì các hoạt động của đoàn thể như hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, sáng kiến kỹ thuật củng cố sự đồng thuận trong hoạt động của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- ✓ Vận hành tối ưu, tin cậy - ổn định, an toàn, an ninh nhà máy thủy điện Ngòi Phát, tối ưu hóa doanh thu, lợi nhuận cho cổ đông và nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên công ty – nhà máy.
- ✓ Đầu tư thành công dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng công suất 12 MW tại tỉnh Lào Cai, đưa vào vận hành từ năm 2020, hòa vào lưới điện quốc gia và phát điện thương mại tạo doanh thu và gia tăng lợi ích cho cổ đông;
- ✓ Tập trung nghiên cứu – phát triển và đầu tư dự án thủy điện Hạ lưu Ngòi Phát. Tiếp tục tìm kiếm cơ hội để tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng ít nhất một dự án thủy điện độc lập quy mô nhỏ (dưới 30 MW) tại tỉnh Lào Cai và/hoặc vùng Tây Bắc;
- ✓ Phát triển các dự án năng lượng tái tạo (Điện gió, điện mặt trời và các nguồn năng lượng tái tạo khác) và dự án cấp nước trong khu vực. Mục tiêu Công ty sẽ sở hữu từ 1-2 dự án có tiềm năng và hiệu quả, nằm trong quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo để đầu tư và phát triển.
- ✓ Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp trong vận hành các nhà máy thủy điện, đội ngũ phát triển dự án nhằm đáp ứng các mục tiêu đã đề ra.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Hữu Ngọc	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Ứng Hồng Vận	Thành viên	Kiểm Tổng Giám đốc
Nguyễn Thành Phương	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

Bổ nhiệm chức danh TVHĐQT công ty của ông Nguyễn Việt Dũng từ 20/03/2018

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT			
Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhân	tỷ lệ
Nguyễn Ngọc Điệp	25.700.000	100.000 CP	51,6%
Nguyễn Hữu Ngọc	3.000.000	68.465 CP	6,14%
Ứng Hồng Vận	3.000.000	640.752 CP	7,28%
Nguyễn Thành Phương		640.767 CP	1,28%
Nguyễn Việt Dũng		2.000 CP	0,004%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị của Công ty đã tiến hành họp 05 cuộc họp Hội đồng quản trị, thời gian cụ thể như sau:

STT	Số cuộc họp	Ngày tháng	Nội dung
1	Số 36/2018/BB-HĐQT	23/02/2018	Thông qua chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2018.
2	Số 37/2018/BB-HĐQT	12/04/2018	TGD báo cáo một số nội dung trong công tác điều hành SXKD năm 2018 đã được ĐHCĐ thông qua.
3	Số 38/2018/BB-HĐQT	11/05/2018	TGD báo cáo làm rõ một số nội dung liên quan đến việc triển khai dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
4	Số 39/2018/BB-HĐQT	17/08/2018	Họp HĐQT định kỳ quý 3: - Đánh giá kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2018; - Kiểm điểm tình hình thực hiện dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng. - Đánh giá công tác đàm phán giá điện đối với dự án TĐNP mở rộng. - Thông qua dự thảo điều chỉnh điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế quản lý nội bộ về quản trị công ty để trình ĐHCĐ. - Đánh giá và chỉ đạo về tình hình thực hiện kiến nghị của KTNH tại dự án TĐNP
5	Số 40/2018/BB-HĐQT	23/11/2018	- Báo cáo SXKD 9 tháng năm 2018 và kế hoạch quý 4/2018 và kế hoạch SXKD năm 2019. - Báo cáo về quyết toán điều chỉnh dự án TĐNP. - Báo cáo về điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình và điều chỉnh TMĐT dự án TĐNP mở rộng.

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch HĐQT	28/03/2014	5/5	100%	
2	Nguyễn Thành Phương	Thành viên	25/03/2016	5/5	100%	
3	Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	20/03/2018	4/5	100%	Bổ nhiệm từ 20/03/2018
4	Ứng Hồng Vận	Thành viên	28/03/2014	5/5	100%	
5	Nguyễn Hữu Ngọc	Thành viên	10/04/2015	5/5	100%	01 buổi họp có ủy quyền cho ông Nguyễn Việt Dũng tham dự họp.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2018):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	Số 71/2018/NQ-HĐQT	19/01/2018	Phê duyệt báo cáo Kinh tế-Kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Dự án thanh thải lòng sông và gia cố hạ lưu nhà máy thủy điện Ngòi Phát.
2	Số 72/2018/NQ-HĐQT	02/02/2018	Phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu XD01: Nạo vét thanh thải và gia cố hạ lưu nhà máy, dự án Thanh thải lòng sông và gia cố hạ lưu nhà máy thủy điện Ngòi Phát.
3	Số 73/2018/NQ-HĐQT	23/02/2018	Thông qua chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2018
4	Số 74/2018/NQ-HĐQT	08/03/2018	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XD01: Nạo vét thanh thải và gia cố hạ lưu nhà máy, Dự án: Thanh thải lòng sông và gia cố

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
			hạ lưu nhà máy TĐNP.
5	Số 75/2018/NQ-HĐQT	23/03/2018	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 18% cho năm tài chính 2017.
6	Số 76/NQ/2018/NEDI2-HĐQT	24/04/2018	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc Công ty
7	Số 77/2018/NQ-HĐQT	13/06/2018	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt nam là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018 của Công ty.
8	Số 78/2018/NQ-HĐQT	23/07/2018	Phê duyệt báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khu nhà nghỉ ca CBCNV nhà máy thủy điện Ngòi Phát.
9	Số 79/2018/NQ-HĐQT	23/08/2018	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Khu nhà nghỉ ca CBCNV nhà máy thủy điện Ngòi Phát.
10	Số 80/2018/NQ-HĐQT	23/08/2018	Phê duyệt chi bổ sung quỹ lương năm 2018
11	Số 81/2018/NQ-HĐQT	10/09/2018	Phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu XD02: San nền và xây dựng Hạ tầng kỹ thuật, dự án Khu nhà nghỉ ca CBCNV nhà máy thủy điện Ngòi Phát.
12	Số 82/2018/NQ-HĐQT	09/10/2018	Phê duyệt duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu TB01: Cung cấp thiết bị, vận chuyển, bảo hiểm, dịch vụ kỹ thuật và đào tạo chuyển giao công nghệ thiết bị cơ điện, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
13	Số 83/2018/NQ-HĐQT	24/10/2018	Phê duyệt duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu XD02: San nền và xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự án khu nhà nghỉ ca CBCNV nhà máy thủy điện Ngòi Phát.
14	Số 85/2018/NQ-HĐQT	03/12/2018	Phê duyệt điều chỉnh quyết toán đầu tư hoàn thành dự án nhà máy thủy

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
			điện Ngòi Phát.
15	Số 86/2018/NQ-HĐQT	05/12/2018	Thông qua phương án tạm ứng cổ tức 10% cho năm tài chính 2018 và chốt danh sách cổ đông để chi trả tạm ứng cổ tức năm 2018.
16	Số 87/NQ/2018/NEDI2-HĐQT	11/12/2018	Gia hạn thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.
17	Số 88/2018/NQ-HĐQT	24/12/2018	Phê duyệt duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XD01: Xây dựng và hoàn thiện nhà nghỉ ca số 1 và nhà nghỉ ca số 2, dự án khu nhà nghỉ ca CBCNV nhà máy thủy điện Ngòi Phát.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

BAN KIỂM SOÁT		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Đặng Thanh Huân	Trưởng ban	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Doãn Dũng	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Hoàng Trọng Thạch	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Ông Hoàng Trọng Thạch từ nhiệm chức danh TV Ban kiểm soát từ 28/02/2018		

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT			
Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhân	Cổ phần khác
Đặng Thanh Huân	Không có	41.434 CP	Không có
Nguyễn Doãn Dũng	Không có	Không có	Không có
Nguyễn Xuân Dũng	Không có	500 CP	Không có

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

+ Thông tin về thành viên Ban kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đặng Thanh Huân	Trưởng Ban KS	Tháng 3/2014	2/2	100 %	
2	Ông Nguyễn Xuân Dũng	Kiểm soát viên	Tháng 3/2014	2/2	100 %	
3	Ông Hoàng Trọng Thạch	Kiểm soát viên	Tháng 3/2018	1/2	50%	Từ nhiệm từ 28/02/18
4	Ông Nguyễn Doãn Dũng	Kiểm soát viên	Tháng 3/2018	1/2	50%	Bầu BS mới từ 20/03/18

+ Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:

Các công tác đã thực hiện:

- Đại diện BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính BCTC hàng quý, 6 tháng và BCTC năm 2018 của công ty bảo đảm phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, soát xét tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018; thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Theo dõi, giám sát việc công bố thông tin của công ty theo các quy định của pháp luật về yêu cầu công bố thông tin: Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông định kỳ và thường niên 2018, các thông tin có liên quan theo quy định của pháp luật
- Các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ.

+ Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Đại diện Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo kỳ, được tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát được cung cấp các Phiếu xin ý kiến, tờ trình Hội đồng quản trị và các tài liệu, thông tin khác cùng thời gian và theo phương thức như với thành viên Hội đồng quản trị; được cung cấp các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Công ty.

- Ban Kiểm soát được Ban điều hành cung cấp đầy đủ thông tin, các số liệu tài chính và các tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Qua đó, Ban kiểm soát đã đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác điều hành hoạt động SXKD đối với Ban điều hành Công ty.

+ Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban GD, BKS

a, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ứng Quyết Tiến	Con TGD	16.230	0,03%	6.230	0,012%	Giảm do bán

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Kèm theo Báo cáo này là Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ứng Hồng Vân

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



NS/L/V/D/V/A/N

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch
Ông Ứng Hồng Vận	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Số: 440/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 01 năm 2019, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Ban Giám đốc đã quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu báo cáo tài chính năm 2017, dẫn đến thay đổi một số số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 31 tháng 01 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 01 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tiên Quốc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3008-2019-001-1

1001
CÔNG
CHÍNH
KIỂM
TOÁN
ĐỘC
LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số Thuyết minh		Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		132.176.446.172	205.055.943.899
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	4	60.001.777.471	147.147.151.062
1. Tiền		111		4.152.851.061	122.147.151.062
2. Các khoản tương đương tiền		112		55.848.926.410	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	5	2.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		2.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		43.492.371.361	34.833.351.359
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	6	23.937.350.543	26.181.154.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	7	14.560.996.769	3.027.830.759
3. Phải thu ngắn hạn khác		136	8	5.640.039.773	5.624.365.793
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137		(646.015.724)	-
IV. Hàng tồn kho		140	9	25.196.562.340	23.040.287.501
1. Hàng tồn kho		141		25.196.562.340	23.040.287.501
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		1.485.735.000	35.153.977
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	10	1.485.735.000	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	12	-	35.153.977
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1.714.340.771.685	1.778.016.012.314
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		18.050.670.918	18.060.670.918
1. Phải thu dài hạn khác		216	8	18.050.670.918	18.060.670.918
II. Tài sản cố định		220		1.670.095.596.345	1.743.570.284.992
1. Tài sản cố định hữu hình		221	11	1.670.095.596.345	1.743.570.284.992
- Nguyên giá		222		1.951.895.156.093	1.953.637.940.997
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(281.799.559.748)	(210.067.656.005)
III. Tài sản dở dang dài hạn		240		13.616.106.050	4.986.048.028
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	13	13.616.106.050	4.986.048.028
IV. Tài sản dài hạn khác		260		12.578.398.372	11.399.008.376
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	10	12.578.398.372	11.399.008.376
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		1.846.517.217.857	1.983.071.956.213

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.206.188.947.847	1.318.212.302.714
I. Nợ ngắn hạn	310		122.448.533.423	113.953.235.341
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.670.645.363	4.880.013.103
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	8.135.323.806	6.215.757.160
3. Phải trả người lao động	314		9.340.084.330	4.955.733.040
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.341.499.184	3.849.433.194
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	9.602.642.757	3.952.489.798
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	89.184.000.000	89.184.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		174.337.983	915.809.046
II. Nợ dài hạn	330		1.083.740.414.424	1.204.259.067.373
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	-	21.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1.083.740.414.424	1.204.238.067.373
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		640.328.270.010	664.859.653.499
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	640.328.270.010	664.859.653.499
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		499.939.607.633	499.939.607.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.939.607.633	499.939.607.633
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.388.399.680	14.388.399.680
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			126.000.262.697	150.531.646.186
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.122.518.186	37.939.820.383
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		72.877.744.511	112.591.825.803
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.846.517.217.857	1.983.071.956.213


Nguyễn Thị Hiếu
Người lập biểu


Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	384.765.048.720	389.212.949.325
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		384.765.048.720	389.212.949.325
4. Giá vốn hàng bán	11	21	108.125.758.475	105.014.867.637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		276.639.290.245	284.198.081.688
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.677.138.906	1.308.431.019
7. Chi phí tài chính	22	24	116.114.358.056	134.831.398.894
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		116.038.439.935	134.154.591.571
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	32.057.161.250	29.169.238.221
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		131.144.909.845	121.505.875.592
10. Thu nhập khác	31		464.211.071	409.928.956
11. Chi phí khác	32	26	1.512.960.359	9.323.978.745
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(1.048.749.288)	(8.914.049.789)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		130.096.160.557	112.591.825.803
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	6.580.456.046	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		123.515.704.511	112.591.825.803
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.471	2.535


 Nguyễn Thị Hiếu
 Người lập biểu


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng


 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	130.096.160.557	112.591.825.803
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	71.731.903.743	71.466.491.234
Các khoản dự phòng	03	646.015.724	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(9.357.131)	270.494.962
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.667.781.775)	2.440.971.192
Chi phí lãi vay	06	116.038.439.935	134.154.591.571
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	315.835.381.053	320.924.374.762
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.743.378.539	(5.345.890.818)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.156.274.839)	(4.687.828.816)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.049.967.295	9.615.370.314
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.665.124.996)	331.979.385
Tiền lãi vay đã trả	14	(118.667.816.216)	(143.255.049.434)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.474.204.337)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.169.439.413)	(4.046.596.605)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	188.495.867.086	173.536.358.788
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.833.590.084)	(7.915.406.573)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	65.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.667.781.775	1.117.860.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.165.808.309)	58.202.454.074

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	88.389.049.680
2. Tiền thu từ đi vay	33	18.586.347.051	48.241.150.132
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(139.084.000.000)	(230.969.441.388)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(138.977.779.419)	(27.103.178.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(259.475.432.368)	(121.442.419.956)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(87.145.373.591)	110.296.392.906
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	147.147.151.062	36.850.758.156
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	60.001.777.471	147.147.151.062


Nguyễn Thị Hiếu
Người lập biểu


Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000084 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 10 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký và giao dịch trên sàn UPCOM với mã ND2 từ ngày 22 tháng 7 năm 2010.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 110 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 99 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng; và
- Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Một số số liệu đã được điều chỉnh hồi tố để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như trình bày tại Thuyết minh số 31.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 - 35
Máy móc và thiết bị	20
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí thuê văn phòng, bảo hiểm rủi ro tài sản và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp và giá bán điện đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được hưởng các ưu đãi thuế theo các giấy chứng nhận đầu tư, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Tất cả các miễn giảm trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% kể từ năm 2016. Năm 2018 là năm thứ 5 kể từ năm đầu tiên Công ty có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	969.662.386	1.030.376.267
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.183.188.675	121.116.774.795
Các khoản tương đương tiền (*)	55.848.926.410	25.000.000.000
	60.001.777.471	147.147.151.062

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

5. ĐẦU TƯ NẪM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và lãi suất là 6,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	23.937.350.543	26.181.154.807
	23.937.350.543	26.181.154.807

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Năng lượng Flovel	8.686.347.051	-
Công ty TNHH một thành viên Đức Thiện	1.199.211.297	85.472.572
Công ty Cổ phần Xây dựng Thiết bị và Thương mại TCC	1.086.752.521	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	604.402.184	604.402.184
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Lào Cai	-	1.176.000.000
Các đối tượng khác	2.984.283.716	1.161.956.003
	14.560.996.769	3.027.830.759

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công ty Mua Bán Điện	2.876.780.784	-
- Tạm ứng cho nhân viên	2.114.011.000	4.791.427.145
- Công ty Cổ phần Xây dựng Số 11	646.015.724	646.015.724
- Phải thu khác	3.232.265	186.922.924
	5.640.039.773	5.624.365.793
b. Dài hạn		
- Phải thu dài hạn khác	18.050.670.918	18.060.670.918
	18.050.670.918	18.060.670.918

Phải thu dài hạn khác là khoản tiền sẽ được bù trừ với tiền thuê đất tại địa điểm thuê (các xã Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2013 liên quan đến số tiền Công ty đã chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng thủy điện Ngòi Phat tại khu đất trên. Tiền thuê đất này được miễn giảm đến hết tháng 7 năm 2023 theo Quyết định số 24749/QĐ-CT ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Lào Cai.

Công ty đang trong quá trình quyết toán số tiền thuê đất sẽ được bù trừ với Cục Thuế tỉnh Lào Cai.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.245.263.269	-	1.386.615.225	-
Công cụ, dụng cụ	23.951.299.071	-	21.653.672.276	-
	25.196.562.340	-	23.040.287.501	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Bảo hiểm rủi ro tài sản	1.485.735.000	-
	1.485.735.000	-
b. Dài hạn		
- Chi phí thuê văn phòng (*)	10.972.476.213	11.292.062.899
- Chi phí đại tu máy móc thiết bị	1.508.952.000	-
- Khác	96.970.159	106.945.477
	12.578.398.372	11.399.008.376

(*) Chi phí thuê văn phòng phản ánh các khoản chi phí đã trả trước cho chi phí thuê 211,77 m² của tầng 9, tòa nhà Vinaconex theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 114A/2016/HĐKT-BĐT giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với thời hạn 37 năm tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

Số dư đầu năm

Tăng trong năm

Giảm theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (*)

Giảm do quyết toán công trình

Số dư cuối năm

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm

Khấu hao trong năm

Số dư cuối năm

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm

Tại ngày cuối năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
VND	VND	VND	VND	VND
1.388.306.152.194	557.461.229.800	7.768.008.045	102.550.958	1.953.637.940.997
138.844.315	-	-	-	138.844.315
(1.495.702.976)	(180.724.985)	-	-	(1.676.427.961)
(205.201.258)	-	-	-	(205.201.258)
1.386.744.092.275	557.280.504.815	7.768.008.045	102.550.958	1.951.895.156.093
122.732.560.319	84.917.973.938	2.332.820.789	84.300.959	210.067.656.005
42.149.098.098	28.387.982.118	1.176.573.528	18.249.999	71.731.903.743
164.881.658.417	113.305.956.056	3.509.394.317	102.550.958	281.799.559.748
1.265.573.591.875	472.543.255.862	5.435.187.256	18.249.999	1.743.570.284.992
1.221.862.433.858	443.974.548.759	4.258.613.728	-	1.670.095.596.345

(*) Công ty điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản trong năm theo thống báo kết quả kiểm toán Nhà nước số 282/TB-KTNN ngày 08 tháng 02 năm 2018.

Nguyên giá của tài sản cổ định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền khoảng 1.414 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 1.369 triệu VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp /thu trong năm	Khấu trừ/Điều chỉnh	Số đã thực nộp /thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.153.977	35.153.977	-	-	-
	35.153.977	35.153.977	-	-	-
b. Các khoản phải trả					
Thuế giá trị gia tăng	2.983.167.890	43.968.817.771	3.334.200.059	41.047.069.653	2.570.715.949
- Thuế GTGT đầu ra	2.983.167.890	43.968.817.771	3.334.200.059	41.047.069.653	2.570.715.949
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.545.302.069	27.157.912	5.474.204.337	1.043.939.820
Thuế tài nguyên	2.238.731.607	36.016.893.144	-	36.324.043.967	1.931.580.784
Các loại thuế khác	993.857.663	5.944.935.255	-	4.349.705.665	2.589.087.253
Thuế thu nhập cá nhân	993.857.663	5.941.935.255	-	4.346.705.665	2.589.087.253
Thuế khác	-	3.000.000	-	3.000.000	-
	6.215.757.160	92.475.948.239	3.361.357.971	87.195.023.622	8.135.323.806

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án Ngòi Phát mở rộng	11.644.594.873	4.986.048.028
Dự án Khu nhà nghỉ ca CBCNV Nhà máy	696.961.976	-
Dự án Thanh thải lòng sông và gia cố hạ lưu nhà máy	1.274.549.201	-
	13.616.106.050	4.986.048.028

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị	Giá trị
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Andritz Hydro Private	2.069.293.747	2.078.650.878
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Lào Cai	1.657.633.475	1.657.633.475
Công ty Truyền tải điện 1	-	659.406.458
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	-	567.805.757
Công ty TNHH Một thành viên Đức Thiện	-	526.400.506
Công ty Cổ phần Vimenco	-	13.500.306
Các đối tượng khác	943.718.141	1.034.249.198
	4.670.645.363	4.880.013.103

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	1.341.499.184	3.849.433.194
	1.341.499.184	3.849.433.194

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	66.372.058	136.409.824
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.733.387.238	728.078.657
Phải trả quỹ phát triển rừng	7.240.703.256	2.808.595.564
Các khoản phải trả khác	562.180.205	279.405.753
	9.602.642.757	3.952.489.798
b. Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	21.000.000
	-	21.000.000

T.T.N.H.H
 NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND	Tăng	Giảm	Giá trị	VND
		Số có khả năng trả nợ				Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	9.900.000.000	9.900.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 18)	89.184.000.000	89.184.000.000	129.184.000.000	129.184.000.000	89.184.000.000	89.184.000.000
	89.184.000.000	89.184.000.000	139.084.000.000	139.084.000.000	89.184.000.000	89.184.000.000

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND	Tăng	Giảm	Giá trị	VND
		Số có khả năng				Số có khả năng
Vay dài hạn (*)	1.293.422.067.373	1.293.422.067.373	8.686.347.051	129.184.000.000	1.172.924.414.424	1.172.924.414.424
Trong đó:						
- Số phải trả trong	89.184.000.000	89.184.000.000			89.184.000.000	89.184.000.000
- Số phải trả sau 12	1.204.238.067.373	1.204.238.067.373			1.083.740.414.424	1.083.740.414.424
	1.293.422.067.373	1.293.422.067.373	8.686.347.051	129.184.000.000	1.172.924.414.424	1.172.924.414.424

(*) Vay dài hạn bao gồm các khoản sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	995.751.972.373	1.055.751.972.373
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	168.486.095.000	237.670.095.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (iii)	8.686.347.051	-
	1.172.924.414.424	1.293.422.067.373

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Trong vòng một năm	89.184.000.000	89.184.000.000
Trong năm thứ hai	79.302.095.000	109.184.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	408.686.347.051	219.302.095.000
Trên 5 năm	595.751.972.373	875.751.972.373
Cộng	1.172.924.414.424	1.293.422.067.373
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	89.184.000.000	89.184.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	1.083.740.414.424	1.204.238.067.373

(i) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam theo hợp đồng vay số 01/2008/NEDI2-SGD/HDTDDH ngày 18 tháng 10 năm 2008 và phụ lục số 01.2016/PL ngày 9 tháng 5 năm 2016 với hạn mức tín dụng tối đa 1.189.648.929.000 VND. Khoản vay được sử dụng để thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Ngòi Phát. Lãi suất áp dụng là 4%/năm cộng lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng. Khoản vay được ân hạn trong vòng 36 tháng và được thanh toán toàn trong vòng 36 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng, lần trả nợ gốc đầu tiên vào tháng thứ ba mươi chín kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên.

(ii) Khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam số 02/2008/HĐTĐT-NHPT ngày 18 tháng 10 năm 2008. Mục đích của khoản vay là để đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát, tỉnh Lào Cai với hạn mức tín dụng là 437.745.000.000 VND. Thời gian ân hạn là 24 tháng, thời hạn vay tối đa là 96 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất áp dụng là 11,4%/năm và được điều chỉnh theo Quyết định của Bộ Tài chính và hướng dẫn của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (nếu có). Gốc và lãi vay được thanh toán mỗi tháng 1 lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty.

(iii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số 01/17/VCB.CB-NEDI2 ngày 10 tháng 08 năm 2017. Mục đích của khoản vay là để đầu tư cho dự án Thủy điện Ngòi Phát Mở Rộng, tỉnh Lào Cai với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 156 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân lần đầu và thời gian ân hạn nợ gốc là 28 tháng. Lãi suất trong hạn bằng lãi suất cơ sở cộng với biên độ (biên độ là 2,7% áp dụng cố định cho năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu, kỳ điều chỉnh lãi suất là 6 tháng 1 lần) và lãi suất đối với dư nợ quá hạn là 130% lãi suất của khoản vay trong hạn. Lãi vay được thanh toán sau 6 ngày kể từ ngày nhận phiếu tính lãi, gốc vay chỉ được thanh toán trước hạn khi được Ngân hàng đồng ý.

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai, toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	415.296.507.633	10.642.450.000	62.596.173.723	488.535.131.356
Phát hành cổ phiếu	84.643.100.000	3.745.949.680	-	88.389.049.680
Lợi nhuận trong năm	-	-	112.591.825.803	112.591.825.803
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.891.527.960)	(3.891.527.960)
Chia cổ tức	-	-	(20.764.825.380)	(20.764.825.380)
Số dư đầu năm nay	499.939.607.633	14.388.399.680	150.531.646.186	664.859.653.499
Lợi nhuận trong năm	-	-	123.515.704.511	123.515.704.511
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(6.440.000.000)	(6.440.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(89.989.128.000)	(89.989.128.000)
Giảm khác (*)	-	-	(980.000.000)	(980.000.000)
Chia cổ tức (**)	-	-	(49.993.960.000)	(49.993.960.000)
Giảm khác (**)	-	-	(644.000.000)	(644.000.000)
Số dư cuối năm nay	499.939.607.633	14.388.399.680	126.000.262.697	640.328.270.010

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty đã chia và chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 89.989.128.000 VND, trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 6.440.000.000 VND, khen thưởng và thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành là 980.000.000 VND.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 05 tháng 12 năm 2018 và Thông báo chi trả tạm ứng cổ tức ngày 18 tháng 12 năm 2018, Công ty đã tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 49.993.960.000 VND, khen thưởng và thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành là 664.000.000 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 500.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty chưa được góp đủ.

Cổ phiếu	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn cổ phần được duyệt <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000.000.000 500.000.000.000	500.000.000.000 500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	499.939.607.633 499.939.607.633	499.939.607.633 499.939.607.633
Vốn cổ phần đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	499.939.607.633 499.939.607.633	499.939.607.633 499.939.607.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	384.765.048.720 <u>384.765.048.720</u>	389.212.949.325 <u>389.212.949.325</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	108.125.758.475 <u>108.125.758.475</u>	105.014.867.637 <u>105.014.867.637</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.203.501.105	2.946.830.371
Chi phí lương nhân công	32.399.999.900	28.970.504.887
Các khoản bảo hiểm và phụ cấp trích theo lương	7.758.495.121	2.563.437.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.731.903.743	71.466.491.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.233.985.737	16.258.432.702
Chi phí khác bằng tiền	9.855.034.119	11.978.408.725

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.617.010.784	1.088.480.678
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	50.770.991	29.379.969
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.357.131	190.570.372
	2.677.138.906	1.308.431.019

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	116.038.439.935	134.154.591.571
Chi phí tài chính khác	75.918.121	676.807.323
	116.114.358.056	134.831.398.894

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân công	14.118.415.479	16.130.777.044
Các khoản bảo hiểm và phụ cấp trích theo lương	4.373.183.903	1.687.938.854
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	93.845.659	82.303.016
Chi phí khấu hao	957.546.186	467.899.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	538.114.549	4.085.357.335
Chi phí khác	11.976.055.474	6.714.962.830

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	1.265.735.109
Chi phí thiệt hại do nguyên nhân bất khả kháng khi quyết toán thủy điện Ngòi Phát	-	448.372.635
Giảm giá trị tài sản khi quyết toán công trình	415.446.128	3.010.081.476
Chi phí khi ghi giảm giá trị tài sản xây dựng cơ bản dở dang dự án Khu Đô thị Thương mại Thủy Hào	-	2.867.922.749
Chi phí khi ghi giảm giá trị tài sản xây dựng cơ bản dở dang dự án Suối Chăn	-	690.909.090
Phạt vi phạm hành chính	123.912.043	342.683.077
Chi phí khác	973.602.188	698.274.609
	1.512.960.359	9.323.978.745

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.580.456.046	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.580.456.046	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	130.096.160.557	112.591.825.803
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	1.512.960.359	1.895.554.853
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	131.609.120.916	114.487.380.656
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	-	-
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi giảm 50% (i)</i>	131.609.120.916	-
<i>Thu nhập được miễn thuế</i>	-	114.487.380.656
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.580.456.046	-

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty đang được hưởng các ưu đãi về đầu tư theo các qui định hiện hành. Cụ thể như sau:

(i) Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tất cả các miễn giảm trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% kể từ năm 2016.

Các tờ khai và quyết toán thuế được lập bởi Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định khác về thuế được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	123.515.704.511	112.591.825.803
<i>Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (*) (VND)</i>	-	(6.440.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	123.515.704.511	106.151.825.803
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	49.993.960	41.869.714
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.471	2.535

(*) Trong năm 2018, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 3 năm 2018 đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do vậy, Công ty đã xác định lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2017 là 2.535 VND/cổ phần (số trình bày trên báo cáo năm 2017 là 2.689 VND/cổ phần).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2018, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm 2018 sẽ giảm đi tương ứng.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Công ty mẹ		
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Phí thương hiệu	1.159.980.000	1.204.236.892
Chia cổ tức	101.517.800.000	14.850.000.000
Mua dịch vụ	-	177.632.279
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	4.112.133.457	3.313.803.915

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm đã bao gồm số tiền 13.562.451.110 đồng là số tiền trả trước cho người bán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 4.255.250.679 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần giảm các khoản phải trả.

31. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được Công ty điều chỉnh hồi tố phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, cụ thể như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh hồi tố	Số sau điều chỉnh
		VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	434.599.942.542	(45.386.993.217)	389.212.949.325
Giá vốn hàng bán	11	150.401.860.854	(45.386.993.217)	105.014.867.637

Nguyễn Thị Hiếu
Người lập biểu

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Ứng Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Số chứng thực: 01508 Quyền số: 01CTPS
Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Ngày: 31-01-2019

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hải